

**NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN
TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LƯƠNG NGỌC HẢI*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày một số thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện học chế tín chỉ tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM) giai đoạn 2010 – 2013; trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động học tập theo học chế tín chỉ cho sinh viên (SV) hệ chính quy tập trung.

Từ khóa: học chế tín chỉ, thuận lợi, khó khăn, biện pháp quản lý.

ABSTRACT

Advantages and difficulties in training activities under the credit system in Ho Chi Minh City University of Education

The article discusses some advantages and difficulties in implementing the credit system in Ho Chi Minh City University of Education between 2010 and 2013. In light of those advantages and difficulties, some measures to improve the effectiveness of learning management for mainstream students are proposed.

Keywords: credit system, advantages, disadvantages, managerial measures.

1. Đặt vấn đề

Việc đào tạo theo học chế tín chỉ là sản phẩm trí tuệ của nền giáo dục Hoa Kỳ, nó được hình thành và phát triển để phục vụ cho các mục tiêu giáo dục cụ thể trong từng giai đoạn phát triển ở quốc gia này. Vào cuối thế kỉ XIX, ở Hoa Kỳ, số lượng học sinh trung học phổ thông ghi danh vào đại học ngày càng tăng, gây áp lực không nhỏ cho quá trình xét tuyển của các trường đại học. Hệ thống tín chỉ được thiết kế để ghi lại và giải thích một cách tường minh năng lực học tập của học sinh trung học phổ thông, giúp cho chuyên viên phòng đào tạo của các trường đại học có căn cứ tin cậy để tuyển chọn những SV có chất lượng theo những chuẩn mực mà trường đại học đề ra. Từ nguồn gốc đó, hệ thống tín chỉ dần dần

thâm nhập vào các trường đại học. Lúc đầu chỉ là việc ghi lại điểm số của các môn lựa chọn. Sau đó, do áp lực của các nhà tài trợ, các tổ chức từ thiện yêu cầu phải làm rõ hay lượng hóa năng lực chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp của SV và hiệu quả đào tạo của các trường đại học, nên hệ thống tín chỉ được mở rộng ra cho tất cả các môn học và trở thành phương thức đào tạo chính thức của Hoa Kỳ. [4]

Việc đào tạo theo học chế tín chỉ được các nước Tây Âu thực hiện vào những năm 60 của thế kỉ XX. Ở Châu Á, học chế tín chỉ cũng được áp dụng mạnh mẽ, bắt đầu từ Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippine, Trung Quốc và các nước trong khối liên hiệp Anh như:

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

Australia, New Zealand...

Trong chiến lược phát triển giáo dục 2002 – 2010 được phê duyệt theo Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 14/2005/NĐ-CP của Chính phủ về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục bậc đại học ở Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 500/TTg ngày 8-7-1997 về việc xây dựng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo của nước ta đến năm 2020, Dự thảo chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam từ năm 2009 đến năm 2020 có quy định nhằm đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã yêu cầu các trường đại học từ năm học 2008 – 2009 chuyển đổi từ việc thực hiện chương trình đào tạo theo niên chế của các nước Đông Âu thành thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ của Hoa Kỳ. [1], [2], [3]

Thực hiện chủ trương đó, việc đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường ĐHSPTPHCM được bắt đầu từ niên học 2010 - 2011. Trong quá trình thực hiện đã có những thuận lợi và cũng có không ít khó khăn đối với SV, trợ lý giáo vụ, cố vấn học tập ở các khoa và chuyên viên phụ trách giáo vụ ở phòng đào tạo. [5]

2. Một số thuận lợi và khó khăn (xem bảng 1)

Để tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ ở Trường ĐHSPTPHCM, chúng tôi tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi trên 2 nhóm đối tượng: Giảng viên (GV) và SV. Mẫu khảo sát được thực hiện tổng số là 466 mẫu trong đó có 400 phiếu thăm dò ý kiến của SV hệ chính quy tập trung của 3 khóa 36, 37, 38. Có 66 phiếu thăm dò ý kiến của GV thuộc 4 dạng đối tượng: cán bộ quản lý ở các khoa, cán bộ giảng dạy, cán bộ giảng dạy kiêm nhiệm trợ lý giáo vụ, cán bộ giảng dạy kiêm nhiệm cố vấn học tập.

Mỗi câu hỏi ở phiếu khảo sát thuộc 3 lĩnh vực:

- Thực hiện công việc với 2 lựa chọn: Có thực hiện và không thực hiện.

- Mức độ thực hiện công việc với 5 lựa chọn: Rất thường xuyên, thường xuyên, thỉnh thoảng, không thường xuyên, không thực hiện.

- Kết quả thực hiện với 5 lựa chọn: Rất tốt, tốt, khá, trung bình, yếu.

Mỗi câu hỏi đo theo các chỉ số trung bình cộng (Mean viết tắt trong các bảng mô tả là TB) và độ lệch tiêu chuẩn (Standart Deviation viết tắt là ĐLTC) với các mức đánh giá như sau:

| Mức | TB | Mức độ thực hiện | Kết quả thực hiện |
|-----|------------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Từ 1,00 đến 1,49 | Không thực hiện | Yếu |
| 2 | Từ 1,5 đến 2,49 | Không thường xuyên | Trung bình |
| 3 | 2,5 đến 3,49 | Thỉnh thoảng | Khá |
| 4 | 3,5 đến 4,49 | Thường xuyên | Tốt |
| 5 | 4,5 đến 5,00 | Rất thường xuyên | Rất tốt |

Bảng 1. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong học tập theo tín chỉ ở Trường ĐHSPTP HCM

| TT | Nội dung | Nhóm ĐT | Thực hiện | | Mức độ TH | | Kết quả TH | | Xếp loại |
|----|---------------------------------------|---------|-----------|----------|-----------|-------|------------|-------|----------|
| | | | Có TH | Không TH | TB | ĐLTC | TB | ĐLTC | |
| 1 | Kế hoạch đào tạo phù hợp | GV | 61 | 5 | 3,55 | 0,807 | 3,45 | 0,784 | 6 |
| | | SV | 263 | 137 | 3,24 | 1,134 | 3,16 | 1,168 | |
| 2 | Đội ngũ cố vấn học tập có kinh nghiệm | GV | 47 | 19 | 3,23 | 0,873 | 3,06 | 0,762 | 18 |
| | | SV | 168 | 232 | 2,63 | 1,132 | 2,58 | 1,147 | |
| 3 | Đội ngũ GV có kinh nghiệm | GV | 61 | 5 | 3,62 | 0,924 | 3,53 | 0,684 | 1 |
| | | SV | 343 | 57 | 3,56 | 1,009 | 3,58 | 1,008 | |
| 4 | Công tác quản lý phù hợp | GV | 59 | 7 | 3,50 | 0,827 | 3,32 | 0,768 | 7 |
| | | SV | 262 | 138 | 3,03 | 1,063 | 3,02 | 1,013 | |
| 5 | Thời khóa biểu phù hợp | GV | 55 | 11 | 3,23 | 0,891 | 3,23 | 0,837 | 10 |
| | | SV | 275 | 125 | 3,04 | 1,121 | 3,02 | 1,067 | |
| 6 | Thực hiện lịch học nghiêm túc | GV | 62 | 4 | 3,62 | 0,873 | 3,62 | 0,674 | 4 |
| | | SV | 344 | 56 | 3,46 | 1,01 | 3,42 | ,0959 | |
| 7 | Giám sát hoạt động đào tạo nghiêm túc | GV | 61 | 5 | 3,59 | 0,822 | 3,59 | 0,701 | 5 |
| | | SV | 270 | 130 | 3,20 | 1,15 | 3,18 | 1,118 | |
| 8 | Đăng kí học tập kịp thời | GV | 61 | 5 | 3,52 | 0,749 | 3,53 | 0,749 | 11 |
| | | SV | 273 | 127 | 3,00 | 1,088 | 2,99 | 1,065 | |
| 9 | Trợ lý giáo vụ hướng dẫn tận tình | GV | 58 | 8 | 3,59 | 0,944 | 3,47 | 0,789 | 13 |
| | | SV | 159 | 241 | 2,46 | 1,184 | 2,42 | 1,143 | |
| 10 | Trợ lý tổ chức giúp đỡ chu đáo | GV | 58 | 8 | 3,42 | 0,912 | 3,42 | 0,805 | 15 |
| | | SV | 257 | 143 | 2,34 | 1,103 | 2,34 | 1,1 | |
| 11 | Thông báo thông tin kịp thời | GV | 57 | 9 | 3,52 | 0,932 | 3,45 | 0,807 | 12 |
| | | SV | 226 | 174 | 2,82 | 1,113 | 2,81 | 1,182 | |
| 12 | Ứng dụng công nghệ thông tin tốt | GV | 50 | 16 | 3,44 | 0,862 | 3,03 | 0,928 | 16 |
| | | SV | 244 | 156 | 2,80 | 1,063 | 2,83 | 1,046 | |
| 13 | Phương tiện đào tạo đáp ứng tốt | GV | 50 | 16 | 3,21 | 0,92 | 2,97 | 0,859 | 19 |
| | | SV | 229 | 171 | 2,8 | 1,096 | 2,8 | 1,112 | |

| | yêu cầu | | | | | | | | |
|----|--|----|-----|-----|------|-------|------|-------|----|
| 14 | Phòng Đào tạo tạo điều kiện tốt cho SV | GV | 58 | 8 | 3,53 | 0,813 | 3,33 | 0,847 | 14 |
| | | SV | 239 | 161 | 2,73 | 1,163 | 2,76 | 1,137 | |
| 15 | Phòng Công tác chính trị và học sinh, SV có quan tâm | GV | 56 | 10 | 3,26 | 0,9 | 3,21 | 0,937 | 17 |
| | | SV | 215 | 185 | 2,77 | 1,118 | 2,75 | 1,115 | |
| 16 | Thư viện phục vụ tốt | GV | 61 | 5 | 3,47 | 0,845 | 3,39 | 0,802 | 8 |
| | | SV | 288 | 112 | 3,28 | 1,076 | 3,24 | 1,078 | |
| 17 | Tổ chức giờ học hợp lí | GV | 57 | 9 | 3,45 | 0,898 | 3,39 | 0,857 | 9 |
| | | SV | 285 | 115 | 3,10 | 1,062 | 3,56 | 1,021 | |
| 18 | Tổ chức kiểm tra, thi phù hợp | GV | 63 | 3 | 3,65 | 0,754 | 3,59 | 0,764 | 3 |
| | | SV | 338 | 62 | 3,47 | 0,952 | 3,48 | 0,934 | |
| 19 | Đánh giá kết quả học tập phù hợp | GV | 62 | 4 | 3,70 | 0,877 | 3,65 | 0,712 | 2 |
| | | SV | 322 | 78 | 3,39 | 0,957 | 3,35 | 0,935 | |

Bảng 1 cho thấy các ý nghĩa được phân tích theo thống kê như sau:

Phần nghiên cứu đều được 2 nhóm đối tượng đánh giá cao, các giá trị TB đều lớn hơn 3,50 (xếp thứ 1): Đội ngũ GV có kinh nghiệm, việc này nói lên đội ngũ các thầy cô giáo của Trường được SV đánh giá tốt, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy.

Ở các phần nghiên cứu đều được 2 nhóm đánh giá tương đối cao, các giá trị TB đều lớn hơn 3,00, với 9 vấn đề (xếp thứ 2 đến thứ 10): kế hoạch đào tạo; công tác quản lí; sắp xếp thời khóa biểu; thực hiện lịch học của SV; giám sát hoạt động đào tạo của trường; công tác phục vụ của thư viện; tổ chức giờ học; tổ chức kiểm tra/thi; đánh giá kết quả học tập.

Các nội dung được 2 nhóm đánh giá có giá trị TB thấp và khác nhau nhiều, như:

- “Đội ngũ cố vấn học tập có kinh nghiệm hay chưa” thì ở nhóm GV đánh giá các giá trị TB lớn hơn 3,00 ứng với việc được đánh giá loại khá - tốt. Trong khi đó ở nhóm SV lại có giá trị TB là 2,63 và 2,58 (xếp thứ 18). Điều này tương ứng với việc ít có cố vấn học tập được đánh giá thuộc loại khá.

- “Đăng kí học tập có kịp thời hay không” thì ở nhóm GV đánh giá các giá trị TB lớn hơn 3,00 ứng với mức độ thường xuyên và kết quả thực hiện tốt. Trong khi đó nhóm SV đánh giá các giá trị TB là 3,00 và 2,99 ứng với mức độ thỉnh thoảng và kết quả chỉ đạt loại khá (xếp thứ 11) điều này tương ứng với việc đăng kí học tập của SV cần được quan tâm hơn, nhất là việc phối hợp giữa cố vấn học tập với trợ lí tổ chức ở các khoa và chuyên viên phòng đào tạo ở Trường.

- Việc nghiên cứu quản lí học tập ở

cấp khoa với vấn đề: “Trợ lý giáo vụ có hướng dẫn SV tận tình không, trợ lý tổ chức có giúp đỡ SV chu đáo hay không” thì ở nhóm GV đánh giá với các giá trị TB đều lớn hơn 3,40, ứng với mức độ thực hiện gần thường xuyên và kết quả thực hiện gần đạt loại tốt. Trong khi đó, ở nhóm SV đánh giá các giá trị TB nhỏ hơn 2,50 (xếp thứ 13 và 15) ứng với mức độ không thường xuyên và kết quả trung bình. Điều này tương ứng với việc ở các khoa cần quan tâm hơn đến công tác quản lý sự phối hợp giữa cố vấn học tập với trợ lý tổ chức và trợ lý giáo vụ.

- Việc nghiên cứu vấn đề thông tin trong quản lý với nội dung: “Thông tin có kịp thời không” (xếp thứ 12), việc “Ứng dụng công nghệ thông tin có được thực hiện với kết quả tốt hay không” (xếp thứ 16) thì ở 2 nhóm đánh giá có giá trị TB không khác nhau nhiều với các giá trị trung bình đều lớn hơn 2,50 - mức độ thực hiện được đánh giá gần với thường xuyên và kết quả khá. Điều này tương ứng với vấn đề để quản lý tốt việc học tập của SV, nhà trường cần quan tâm hơn trong việc đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin của trường; quản lý tốt sự phối hợp giữa các GV tham gia giảng dạy trên lớp với cố vấn học tập cùng với trợ lý tổ chức ở các khoa và chuyên viên các phòng ban có liên quan đến công tác quản lý việc lên lớp của SV như Phòng đào tạo, Phòng thanh tra đào tạo và Phòng công tác chính trị và học sinh, SV.

- Việc nghiên cứu công tác quản lý học tập của SV ở cấp trường với các vấn đề: “Phòng Đào tạo có tạo điều kiện cho SV không” (xếp thứ 14), “Phòng Công tác chính trị và học sinh, SV có quan tâm

đến việc học tập của SV không” (xếp thứ 17) thì ở 2 nhóm GV và SV có sự đánh giá khác nhau. Nhóm GV đánh giá các giá trị TB đều lớn hơn 3,00, nghĩa là mức độ gần thường xuyên và kết quả gần đạt loại tốt. Trong khi đó, nhóm SV đánh giá các giá trị TB đều nhỏ hơn 2,80, tương ứng với việc thực hiện chỉ đạt mức thỉnh thoảng và kết quả là khá. Điều này có nghĩa để quản lý tốt việc học tập của SV, nhà trường cần quan tâm hơn trong việc quản lý sự phối hợp giữa các chuyên viên ở những phòng ban được Trường phân công quản lý các công việc có liên quan đến công tác quản lý việc lên lớp của SV như Phòng đào tạo, Phòng thanh tra đào tạo và Phòng công tác chính trị và học sinh, SV.

- Việc nghiên cứu về “phương tiện đào tạo đáp ứng được yêu cầu của việc dạy học” thì ở 2 nhóm đánh giá có giá trị TB khác nhau không nhiều với mức độ thực hiện được đánh giá thỉnh thoảng và kết quả thực hiện đạt loại khá (xếp thứ 19: thấp nhất). Điều này có nghĩa là để quản lý tốt việc học tập của SV, nhà trường cần quan tâm hơn trong việc đầu tư về các phương tiện đào tạo; nâng cấp hệ thống thông tin của trường như: nguồn sách ở thư viện, các vấn đề liên quan đến trang thiết bị dạy học.

Từ kết quả phân tích trên, có thể nhận thấy hoạt động đào tạo theo học chế tín chỉ có những thuận lợi và khó khăn như sau:

- **Thuận lợi:**

Bảng 1 cho thấy có đến 10 điểm thuận lợi trong quản lý học tập theo học chế tín chỉ: trường có đội ngũ GV có kinh nghiệm; kế hoạch đào tạo; công tác quản

lí; sắp xếp thời khóa biểu; thực hiện lịch học của SV; giám sát hoạt động đào tạo của trường; công tác phục vụ của thư viện; tổ chức giờ học; tổ chức kiểm tra/thi và đánh giá kết quả học tập.

• **Khó khăn:**

Bảng 1 cho thấy có 9 điểm khó khăn đối với công tác quản lí hoạt động học tập theo học chế tín chỉ, thể hiện ở: đội ngũ cố vấn học tập; trợ lí giáo vụ, trợ lí tổ chức; việc đăng kí học tập, thông tin trong quản lí; ứng dụng công nghệ thông tin; phương tiện đào tạo; sự quản lí của Phòng Đào tạo; sự quan tâm của Phòng Công tác chính trị và học sinh, SV.

Những khó khăn trên cho thấy để quản lí tốt hoạt động học tập theo học chế tín chỉ cần phải có sự quan tâm ở cấp khoa và cấp trường, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho SV trong học tập, cụ thể:

- Về phía nhà trường: Cần phải có những đổi mới cơ bản về tổ chức đào tạo, như: phương tiện đào tạo, việc đăng kí học tập, thông tin trong quản lí, ứng dụng công nghệ thông tin. Những vấn đề trên chưa được SV đánh giá cao.

- Về phía SV: Việc đào tạo theo học chế tín chỉ đòi hỏi SV phải nắm được quy chế đào tạo và được tư vấn từ cố vấn học tập và trợ lí giáo vụ của các khoa, để lập được kế hoạch học tập phù hợp với điều kiện và năng lực của SV. Vấn đề “đội

ngũ cố vấn học tập có kinh nghiệm hay không và trợ lí giáo vụ có hướng dẫn cho SV hay không” chưa được SV đánh giá cao.

3. Một số biện pháp đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lí hoạt động học tập theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Từ những khó khăn nêu trên, chúng tôi tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi đối với các CBQL của Trường nhằm tìm ra những giải pháp khắc phục. Phiếu trưng cầu ý kiến 20 CBQL với: 4 ý kiến của Ban giám hiệu; 6 ý kiến của các trường phòng, phó trường phòng - ban có liên quan đến việc quản lí hoạt động học tập của SV như: Phòng đào tạo, Phòng thanh tra đào tạo, Phòng Công tác chính trị và học sinh, SV; 10 ý kiến của các trường khoa, phó trường khoa.

Mỗi câu hỏi ở phiếu trưng cầu ý kiến nghiên cứu ở 2 lĩnh vực:

- Tính cấp thiết của biện pháp nghiên cứu với 4 mức độ: không cần thiết, ít cần thiết, cần thiết, rất cần thiết.

- Nghiên cứu tính khả thi của biện pháp: có 4 mức độ: không khả thi, khả thi ít, khả thi, rất khả thi.

Mỗi câu hỏi đo theo các chỉ số trưng bình cộng và độ lệch tiêu chuẩn với các mức như sau:

| Mức | Trung bình | Tính cấp thiết của biện pháp thực hiện | Tính khả thi của biện pháp thực hiện |
|-----|------------------|--|--------------------------------------|
| 1 | Từ 1,00 đến 1,49 | Không cần thiết | Không khả thi |
| 2 | Từ 1,5 đến 2,49 | Ít cần thiết | Ít khả thi |
| 3 | Từ 2,5 đến 3,49 | Cần thiết | Khả thi |
| 4 | Từ 3,5 đến 4,00 | Rất cần thiết | Rất khả thi |

| STT | Tên các nhóm biện pháp | Xếp hạng theo mức độ cần thiết | Xếp hạng theo mức độ khả thi |
|-----|---|--------------------------------|------------------------------|
| 1 | Tăng cường các chức năng quản lí | 3 | 1 |
| 2 | Đổi mới phương pháp dạy học | 1 | 3 |
| 3 | Đổi mới kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học | 2 | 5 |
| 4 | Tăng cường phối hợp quản lí | 5 | 4 |
| 5 | Phát triển đội ngũ GV | 4 | 2 |

Kết quả khảo sát được trình bày từ bảng 2 đến bảng 6:

Bảng 2. Biện pháp tăng cường các chức năng quản lí

| TT | Nội dung | Sự cần thiết | | Mức độ khả thi | |
|----|---|--------------|-------|----------------|-------|
| | | TB | ĐLTC | TB | ĐLTC |
| 1 | Tăng cường công tác lập kế hoạch và quản lí theo kế hoạch | 3,65 | 0,489 | 3,25 | 0,55 |
| 2 | Tăng cường nhân lực cho bộ phận đào tạo | 3,20 | 0,894 | 2,80 | 0,834 |
| 3 | Áp dụng triệt để công nghệ thông tin trong việc quản lí đào tạo | 3,70 | 0,470 | 3,10 | 0,912 |
| 4 | Rà soát, cải tiến chương trình đào tạo, nội dung đào tạo hằng năm | 3,80 | 0,410 | 3,05 | 0,605 |
| 5 | Tổ chức lãnh đạo chặt chẽ việc đánh giá môn học sau từng học kì | 3,65 | 0,489 | 3,00 | 0,562 |
| 6 | Tổ chức thanh tra chặt chẽ các kì thi học kì và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp | 3,70 | 0,470 | 3,30 | 0,571 |

Bảng 2 cho thấy các nhà quản lí từ cấp khoa đến trường đều đánh giá 5/6 các giá trị trung bình lớn hơn 3,49 (xếp thứ 3 trong tính cấp thiết). Điều này nói lên mức độ rất cần thiết của các biện pháp như: tăng cường công tác lập kế hoạch và quản lí theo kế hoạch; áp dụng triệt để công nghệ thông tin trong việc quản lí đào tạo; rà soát, cải tiến chương trình đào tạo, nội dung đào tạo hằng năm; tổ chức lãnh đạo chặt chẽ việc đánh giá môn học

sau từng học kì; tổ chức thanh tra chặt chẽ các kì thi học kì và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp với đánh giá các biện pháp thực hiện được đề xuất trên là có tính khả thi. Còn biện pháp tăng cường nhân lực cho bộ phận đào tạo thì các nhà quản lí cho là cần thiết thực hiện và đánh giá các biện pháp thực hiện được đề xuất có tính khả thi (xếp thứ 1 trong tính khả thi) vì có đến 5/6 giá trị lớn hơn 3,00.

Bảng 3. Biện pháp đổi mới phương pháp dạy học

| TT | Nội dung | Sự cần thiết | | Mức độ khả thi | |
|----|--|--------------|-------|----------------|-------|
| | | TB | ĐLTC | TB | ĐLTC |
| 1 | Thường xuyên tổ chức hội thảo hoặc mời chuyên gia báo cáo về phương pháp dạy học mới | 3,60 | 0,503 | 2,90 | 0,641 |
| 2 | Tổ bộ môn định kì tổ chức dự giờ, thao giảng, trao đổi kinh nghiệm dạy học | 3,60 | 0,503 | 3,00 | 0,725 |
| 3 | Có chính sách khuyến khích GV đổi mới phương pháp dạy học | 3,70 | 0,470 | 3,00 | 0,858 |

Các biện pháp đổi mới phương pháp dạy học được đề xuất như: thường xuyên tổ chức hội thảo hoặc mời chuyên gia báo cáo về các phương pháp dạy học mới; tổ bộ môn định kì tổ chức dự giờ, thao giảng, trao đổi kinh nghiệm dạy học; có chính sách khuyến khích GV đổi mới phương pháp dạy học. Bảng 3 còn cho

thấy ý kiến của các nhà quản lí từ cấp khoa đến cấp trường cho các giá trị trung bình đều lớn hơn 3,50 (xếp thứ 1 trong tính cấp thiết). Điều này nói lên mức độ rất cần thiết của các biện pháp nêu trên và đánh giá các biện pháp thực hiện được đề xuất là có tính khả thi (xếp thứ 3 trong tính khả thi) vì có đến 2/3 giá trị là 3,00.

Bảng 4. Biện pháp đổi mới kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học

| TT | Nội dung | Sự cần thiết | | Mức độ khả thi | |
|----|--|--------------|-------|----------------|-------|
| | | TB | ĐLTC | TB | ĐLTC |
| 1 | Tổ chức hội thảo hoặc mời chuyên gia báo cáo cách kiểm tra đánh giá mới | 3,50 | 0,607 | 2,95 | 0,759 |
| 2 | Thay đổi cách đánh giá môn học theo định kì để SV có thái độ học tập tốt hơn | 3,50 | 0,688 | 3,05 | 0,759 |
| 3 | Áp dụng đa dạng hóa hình thức đánh giá trong một môn học để SV học tốt hơn | 3,60 | 0,681 | 2,90 | 0,641 |

Cùng với biện pháp đổi mới phương pháp dạy học thì cần phải có biện pháp đổi mới kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học như: tổ chức hội thảo hoặc mời chuyên gia báo cáo cách kiểm tra đánh giá mới; thay đổi cách đánh giá môn học theo định kì để SV có thái độ học tập tốt hơn; áp dụng đa dạng hóa hình thức đánh giá trong một môn học để SV tập trung

học tốt hơn. Bảng 4 cho thấy ý kiến của các nhà quản lí từ cấp khoa đến cấp trường đều có giá trị trung bình lớn hơn 3,49 (xếp thứ 2 trong tính cấp thiết). Điều này nói lên mức độ rất cần thiết của các biện pháp trên, các biện pháp được đề xuất có tính khả thi (xếp thứ 5 trong tính khả thi) vì có 1/3 giá trị lớn hơn 3,00.

Bảng 5. Biện pháp tăng cường phối hợp quản lí

| TT | Nội dung | Sự cần thiết | | Mức độ KT | |
|----|---|--------------|------|-----------|------|
| | | TB | ĐLTC | TB | ĐLTC |
| 1 | Cố vấn học tập các lớp tăng cường tuyên truyền trách nhiệm học tập cho SV | 3,40 | 0,6 | 2,70 | 0,7 |
| 2 | Ban chủ nhiệm khoa họp định kì với các cố vấn học tập để nắm tình hình học tập của SV các lớp | 3,50 | 0,6 | 2,75 | 0,7 |
| 3 | Phòng thanh tra đào tạo phối hợp với các khoa, phòng đào tạo để nắm tình hình lên lớp của GV | 3,50 | 0,5 | 3,10 | 0,7 |
| 4 | Ban Giám hiệu họp định kì với các khoa, với phòng đào tạo để nắm tình hình học tập của SV | 3,50 | 0,6 | 3,05 | 0,6 |

Bảng 5 cho thấy biện pháp yêu cầu cố vấn học tập các lớp tăng cường tuyên truyền trách nhiệm học tập cho SV có giá trị TB 3,40 (xếp thứ 5 trong tính cấp thiết) nói lên mức độ cần thiết của biện pháp và được các nhà quản lí đánh giá khả thi. Trong khi đó, 3 biện pháp còn lại như: Ban chủ nhiệm khoa họp định kì với các cố vấn học tập để nắm tình hình học tập của SV ở các lớp; Phòng Thanh tra

đào tạo của trường phối hợp với các khoa, với Phòng Đào tạo để nắm tình hình lên lớp của GV; Ban Giám hiệu họp định kì với các khoa, với Phòng Đào tạo để nắm tình hình học tập của SV ở các lớp lại được đánh giá cao với tính cấp thiết của nó là rất cần thiết và đánh giá 3 biện pháp thực hiện được đề xuất trên là có tính khả thi (xếp thứ 4 trong tính khả thi) vì có đến 2/4 giá trị lớn hơn 3,00.

Bảng 6. Biện pháp phát triển đội ngũ GV

| TT | Nội dung | Sự cần thiết | | Mức độ khả thi | |
|----|---|--------------|-------|----------------|-------|
| | | TB | ĐLTC | TB | ĐLTC |
| 1 | Phổ biến quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho GV | 3,60 | 0,598 | 3,30 | 0,571 |
| 2 | Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp dạy học đại học cho GV | 3,60 | 0,503 | 3,20 | 0,616 |
| 3 | Tăng cường sinh hoạt tổ chuyên môn | 3,65 | 0,489 | 3,00 | 0,795 |
| 4 | Hỗ trợ nghiên cứu khoa học, xuất bản tạp chí, xuất bản sách giáo khoa | 3,60 | 0,503 | 2,90 | 0,718 |
| 5 | Xây dựng trung tâm hỗ trợ phát triển năng lực cho GV | 3,15 | 0,671 | 2,50 | 0,688 |
| 6 | Giao nhiệm vụ tự bồi dưỡng cho GV | 3,60 | 0,598 | 3,00 | 0,725 |

Bảng 6 cho thấy các biện pháp phát triển đội ngũ GV với ý kiến của các nhà quản lí cho giá trị trung bình có đến 5/6 giá trị > 3,49 (xếp thứ 4 trong tính cấp

thiết). Điều này nói lên mức độ rất cần thiết của các biện pháp như: phổ biến quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho GV; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ,

phương pháp dạy học đại học cho GV; tăng cường sinh hoạt tổ chuyên môn; hỗ trợ nghiên cứu khoa học, xuất bản tạp chí, xuất bản sách giáo khoa; giao nhiệm vụ tự bồi dưỡng cho GV với đánh giá các biện pháp thực hiện được đề xuất trên là có tính khả thi. Còn biện pháp xây dựng trung tâm hỗ trợ phát triển năng lực cho GV thì các nhà quản lý cho là cần thiết phải thực hiện và đánh giá biện pháp là có tính khả thi (xếp thứ 2 trong tính khả thi) vì có đến 4/6 giá trị từ 3,00 đến 3,30.

Tóm lại nhóm biện pháp đổi mới phương pháp dạy học được các chuyên gia đánh giá là cần thiết phải thực hiện nhất với mức độ khả thi được xếp thứ 3 trong 5 nhóm biện pháp được đề xuất; trong khi đó nhóm biện pháp tăng cường các chức năng quản lý được các chuyên

gia đánh giá có tính khả thi cao nhất và được xếp ở mức độ cần phải thực hiện với thứ hạng 3 trong 5 nhóm biện pháp được đề xuất.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy để đạt hiệu quả trong hoạt động đào tạo theo học chế tín chỉ thì việc quản lý hoạt động học tập của SV cần phải kết hợp với việc quản lý hoạt động giảng dạy của GV và quản lý các hoạt động khác có liên quan đến việc dạy học, như: quản lý công tác chuẩn bị học tập; quản lý hoạt động học tập; quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; quản lý các điều kiện, phương tiện học tập và quan trọng hơn cả là phối hợp quản lý hoạt động học tập giữa Phòng Đào tạo và các khoa trong trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT 15/8/2007)*.
2. Chính phủ (2003), *Điều lệ trường đại học (ban hành kèm theo Quyết định số 153/2003/QĐ-BGD&ĐT 30/7/2003)*.
3. Chính phủ (2006), *Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020*.
4. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Huỳnh, Vũ Văn Táo (2001), *Từ điển Giáo dục*, Nxb Từ điển Bách khoa.
5. Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2007), *Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường Đại học Sư phạm trọng điểm Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-11-2013; ngày phản biện đánh giá: 27-11-2013;
ngày chấp nhận đăng: 16-6-2014)